

Bản án: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22-01-2019

V/v “ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông La Văn Việt;
2. Ông Lý Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Trong ngày 22 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1349/2018/TLST-HNGĐ ngày 25/12/2018 về việc “ly hôn và tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08/01/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Võ Công H, sinh năm 1987, có mặt.

Địa chỉ: Số 2, Quốc lộ 22, phường M, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1990, có mặt.

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 05/11/2018 và tại phiên Tòa, nguyên đơn ông Võ Công H trình bày tóm tắt như sau:

Ông và bà Nguyễn Thị V là vợ chồng, sống với nhau năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Bà V không quan tâm đến gia đình. Ông đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng bà V vẫn không thay đổi tính tình. Bà V có quan hệ với người đàn ông khác, ông và bà V đã ly thân nhau được 02 năm. Nay thấy tình cảm không còn yêu thương và cũng không thể hàn gắn nên ông xin ly hôn với bà Nguyễn Thị V.

Về con chung: Ông H trình bày, ông và bà V chung sống có 01 con chung tên Võ Ngọc D, sinh ngày 12/9/2014. Khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con Võ Ngọc D và không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông H xác định tài sản chung ông và bà V không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị V trình bày: Bà xác nhận lời trình bày của ông H về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung như ông H trình bày là đúng, về mâu thuẫn vợ chồng bà V cho rằng do ông H không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con nên giữa bà và ông H đã ly thân được 02 năm, trong thời gian ly thân không hàn gắn lại được. Nay ông H yêu cầu xin ly hôn thì bà đồng ý thuận tình ly hôn với ông H.

Về con chung: Giữa bà và ông H chung sống có 01 con chung tên Võ Ngọc D, sinh ngày 12/9/2014. Nếu như ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung, bà cho rằng bà có điều kiện nuôi con hơn ông H. Hiện tại, bà có công việc ổn định nghề kinh doanh bất động sản, có nguồn thu nhập và có nhà riêng, trong khi đó ông H chưa có nghề nghiệp, lại đang ở nhà trọ.

Về tài sản chung: Bà V thống nhất như lời trình bày của ông H là tài sản chung giữa bà và ông H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà V xác định bà và ông H không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Toà, trên cơ sở trình bày của các đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật, ông Võ Công H yêu cầu xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị V, xét thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình, căn cứ vào Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, về thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân: Ông H và bà V cưới nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân phường M, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 09/4/2013 (số 50/HT.2013) nên quan hệ hôn nhân của ông H và bà V được pháp luật thừa nhận là hợp pháp từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[2.2]. Xét yêu cầu ly hôn của ông H: Ông Võ Công H và bà Nguyễn Thị V đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và có thời gian ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử, các bên không thể hiện ý chí

muốn đoàn tụ hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, ông H và bà V đều xác định không còn tình cảm và thống nhất thuận tình ly hôn, việc tự nguyện thuận tình ly hôn giữa ông H và bà V là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 luật hôn nhân gia đình công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa ông Võ Công H với bà Nguyễn Thị V.

[2.3]. Về quyền nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông Võ Công H và bà Nguyễn Thị V xác định có 01 con chung tên Võ Ngọc D, sinh ngày 12/9/2014.

Ông H cho rằng sau khi ly hôn ông yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung Võ Ngọc D, về cấp dưỡng nuôi con tại Tòa ông H xác định không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con, hiện tại ông đang công tác trong ngành quân đội đang được hưởng lương.

Bà V trình bày: Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Võ Ngọc D và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Bà V cho rằng hiện tại bà có việc làm ổn định, bà nuôi con, có điều kiện tốt hơn đối với ông H hơn nữa cháu D hiện tại còn nhỏ là con gái nên việc chăm sóc của mẹ chu đáo hơn đối với ông H nên bà V yêu cầu để bà nuôi cháu D khi nào cháu lớn 6 đến 7 tuổi thì bà đồng ý giao cháu D cho ông H nuôi nếu như ông H có nhu cầu.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông H và bà V chung sống với nhau có 01 con chung, cháu Võ Ngọc D, sinh ngày 12/9/2014, ông H và bà V thống nhất với nhau về tình cảm, về tài sản chung và nợ chung nhưng về quyền nuôi con thì các bên không thống nhất, ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Bà V cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy, cháu D còn nhỏ. Mặt khác, cháu là gái nên cháu rất cần sự chăm sóc của mẹ về việc tâm sinh lý. Bởi lẽ, người mẹ luôn chăm sóc con có sự chu đáo hơn và hiện nay bà V có việc làm ổn định, có nguồn thu nhập và có nhà riêng. Đối với ông H hiện tại ông đang phục vụ quân đội về thời gian để chăm sóc cho con thì chưa được chu đáo, ông chưa có chỗ ở ổn định nên Hội đồng xét xử xét thấy để cháu D cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc là hợp lý hơn đối với ông H. Theo lời bà V trình bày để bà nuôi dưỡng cháu D 6 đến 7 tuổi và khi nào ông H xuất ngũ có nhu cầu nuôi cháu D thì bà đồng ý giao cho ông H trực tiếp nuôi, xét thấy lời trình bày của bà V là hoàn toàn phù hợp với thực tại nên để cháu D cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc về cấp dưỡng bà V không yêu cầu nên ông H không cấp dưỡng nuôi con. Vì bà V không yêu cầu.

Đối với ông H, không trực tiếp nuôi con được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản, khi cần thiết ông có thể thay đổi tình trạng nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung cũng như nợ chung: Ông H và bà V thống nhất xác định tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến xem xét.

Trường hợp sau này đương sự có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Ông Võ Công H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 và Điều 86 Luật hôn nhân gia đình; Điều 6 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Ông Võ Công H và bà Nguyễn Thị V thuận tình ly hôn.

Về quyền nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Võ Ngọc D, sinh ngày 12/9/2014. Ông Võ Công H không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên được quyền tới lui thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng và tình trạng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Võ Công H và bà Nguyễn Thị V xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông Võ Công H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, sung công quỹ Nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003921 ngày 24/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An
- VKSND huyện Đức Hoà
- Chi cục Thi hành án
- UBND phường M, quận M, TP HCM;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tài